VỀ NĂM MẤT CỦA LÝ THẦN TÔNG VÀ NIÊN ĐẠI ĐÚNG CỦA MỘT SỐ SỰ KIỆN LỊCH SỬ NỬA ĐẦU THẾ KỈ XII

NGUYỄN THANH TUYỀN*

Khi nghiên cứu về vương triều Lý, *Đại Việt sử lược* (còn gọi *Việt sử lược*, là bộ sử khuyết danh ra đời trong thế kỉ XIV) và *Đại Việt sử kí toàn thư (Toàn thư)* (bộ quốc sử quan trọng nhất lịch sử Việt Nam thời trung đại, khắc in hoàn chỉnh năm 1697) là hai tài liệu thành văn quan trọng hàng đầu. Tuy nhiên, hai bộ sử này có nhiều ghi chép không đồng nhất về thời điểm diễn ra các sự kiện lịch sử, thậm chí có những sai lệch trong khoảng thời gian kéo dài.

Trong các ghi chép không đồng nhất ấy, nổi lên thời điểm qua đời của Lý Thần Tông (vị vua thứ 5 của vương triều Lý). *Toàn thư* cho đó là năm Mậu Ngọ - 1138, còn Việt sử lược lại cho đó là năm Đinh Tỵ - 1137. Điều đáng nói là, với tính chất một bộ quốc sử, ghi chép của *Toàn thư* được nhiều bộ sử đời sau tin theo (1); nhiều công trình sử học hiện nay cũng tán đồng và tiếp tục chỉ định niên biểu của Lý Thần Tông theo *Toàn thư* (2). Việc xác định lại năm mất của Lý Thần Tông trên cơ sở tư liệu chân xác là hết sức cần thiết nhằm trả lại một sự thật cho lịch sử.

Bên cạnh đó, nếu so sánh kĩ các đầu việc tương đồng được *Việt sử lược* và *Toàn thư* ghi chép trong giai đoạn Lý Thần Tông trị vì và những năm đầu thời Lý Anh Tông, chúng ta thấy trong những năm 1134-1140, giữa hai sách này chép việc chênh nhau một năm. Nếu sự việc A được *Việt sử lược* chép vào năm trước thì *Toàn thư* chép vào năm sau. Như vậy, vấn đề ở đây không chỉ là năm mất của Lý Thần Tông mà còn nhiều sự kiện lịch sử khác đã bị gán cho hai niên đại khác nhau. Việc nhận diện thời điểm chuẩn xác mà các sự kiện diễn ra, qua đó khẳng định hoặc phủ định ghi chép của *Toàn thư* và *Việt sử lược* là yêu cầu khoa học cần được giải quyết khi nghiên cứu về lịch sử vương triều Lý nói chung và giai đoạn nửa đầu thế kỉ XII nói riêng.

Bài viết này bước đầu giải quyết các vấn đề nêu trên. Thông qua phê phán, đối chiếu các sử liệu đồng đại và lịch đại về vương triều Lý từ phía Việt Nam và một số thư tịch cổ của Trung Quốc, chúng tôi khảo cứu lại niên điểm của các sự kiện lịch sử giai đoạn 1134-1140 theo ghi chép của *Toàn thư*.

1. Về năm mất và niên biểu của Lý Thần Tông

Về thời điểm qua đời của Lý Thần Tông, *Toàn thư* cho biết: "Mậu Ngọ [1138]… Tháng 9, vua không khỏe… Ngày 26, vua băng ở điện Vĩnh Quang, quàn ở thềm phía tây điện ấy. Các quan dâng tôn hiệu là

*ThS. Nhà xuất bản Giáo dục, Tp. Hồ Chí Minh

Quảng Nhân Sùng Hiếu Văn Vũ Hoàng Đế, miếu hiệu là Thần Tông" (3).

Việt sử lược chép rằng: "Năm Đinh Tỵ (1137)… Mùa thu, tháng chín, vua mệt, mất ở điện Vĩnh Quang, thọ 21 tuổi, ở ngôi 10 năm, miếu hiệu là Thần Tông" (4).

Sự sai khác về năm qua đời khiến niên biểu trị vì của Lý Thần Tông trong hai sách trên chênh nhau. Nếu theo *Việt sử lược*, Lý Thần Tông ở ngôi đến năm 1137 với hai niên hiệu là Thiên Thuận/Đại Thuận (1128-1132) và Thiên Chương Bảo Tự (1133-1137). Nếu theo *Toàn thư* thì thời gian trị vì và niên hiệu Thiên Chương Bảo Tự đều kéo dài thêm một năm.

Để chứng minh tính chính xác của một trong hai ghi chép trên, chúng tôi sử dụng các nguồn tài liệu xuất hiện trước *Toàn thư* và cùng thời/trước *Việt sử lược*. Đó là văn bia thời Lý có liên quan; sách *Thiền uyển tập anh*; sách *An Nam chí lược*; sách *Kiến Viêm dĩ lai hệ niên yếu lục* (thời Tống, Trung Quốc).

Về văn bia thời Lý: Hiện nay chúng ta còn giữ được hai văn bia cho biết Lý Thần Tông qua đời năm Đinh Tỵ (1137).

Văn bia *Cự Việt quốc Thái úy Lý công thạch bi minh tự* (mộ chí Đỗ Anh Vũ) có đoạn: "Tháng chín năm Đinh Tỵ niên hiệu Thiệu Minh thứ nhất (1137), vua Thần Tông ốm nặng. Nhà vua rửa mặt xong, ngồi tựa vào ghế mà dặn Thái úy *(tức Đỗ Anh Vũ - người dẫn)* rằng: "Chỉ có Thái úy là người có thể gửi gắm họ Lý được thôi". Sau khi vua Thần Tông thăng hà, Thái úy cùng Hiến Chí Hoàng Thái hậu rước vua Anh Tông từ nhà Thượng Thanh về cung lên ngôi" (5).

Văn bia *Phụng Thánh phu nhân Lê thị mộ chí* có đoạn: "Năm Đinh Tỵ, Thiên Chương Bảo Tự thứ năm (1137), phu nhân gào khóc theo đưa xe tang rồi nguyện ở lại trông coi lăng tẩm" (6).

Sách *Thiền uyển tập anh* (biên soạn thế kỉ XIV dưới thời Trần), phần viết về Quốc sư Viên Thông chép rằng: "Năm Thiên Chương Bảo Tự thứ 5 (1137), vua Lý Thần Tông băng hà, vâng theo di chiếu, sư dự hàng cố mệnh đại thần, được ủy thác các việc triều chính" (7).

Sách *An Nam chí lược* (do Lê Tắc - người đầu hàng quân Nguyên khi chúng xâm lược nước ta năm 1285 - biên soạn đầu thế kỉ XIV) cho biết: Lý Thần Tông "con của Nhân Vương *(tức Lý Nhân Tông - người dẫn)*, lập lên làm vua. Mùa xuân, tháng 3 năm Thiệu Hưng (8) thứ hai (1132), phong tước Giao Chỉ quận vương. Năm thứ 7 (1137), Dương Hoán mất. Ở ngôi 7 năm, thụy hiệu Thần Vương" (9).

Sách *Kiến Viêm dĩ lai hệ niên yếu lục* gồm 200 quyển, chép theo lối biên niên từ năm Kiến Viêm thứ nhất (1127) đến năm Thiệu Hưng thứ 32 (1162) thuộc đời Hoàng đế Tống Cao Tông. Tác giả là Lý Tâm Truyền (1166-1243), một đại thần và sử gia thời Nam Tống.

Sách này cho biết: "Thiệu Hưng năm thứ 7 (1137), tháng 9, ngày Ất Dậu… Ngày này, Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ An Nam Đô hộ Giao Chỉ Quận Vương Lý Dương Hoán chết, con là Thiên Tộ lên thay. Dương Hoán ở ngôi 9 năm" (10).

Kết quả khảo sát các tư liệu gần với thời gian diễn ra sự kiện và ra đời trước *Toàn thư* như trên cho phép khẳng định *Lý Thần Tông qua đời năm Đinh Tỵ (1137)* như *Việt sử lược* đã chép. Toàn thư đã sai lầm khi cho rằng vị hoàng đế này cầm quyền đến năm Mậu Ngọ (1138).

Chúng ta cũng đủ cơ sở để xác minh thời gian tồn tại của niên hiệu Thiên Chương Bảo Tự. *Toàn thư* vì chép sai về năm mất nên đã tự ý kéo dài niên hiệu này thêm một năm (đến năm 1138). Trên thực tế,

niên hiệu này chỉ tồn tại đến tháng 10 năm Đinh Tỵ (1137). Như vậy, niên biểu thời Lý Thần Tông cần điều chỉnh như sau: Lên ngôi năm 1128, trị vì đến năm 1137; trong thời gian ở ngôi, ông sử dụng hai niên hiệu là Thiên Thuận/Đại Thuận (1128 - 1132) và Thiên Chương Bảo Tự (1133 - 1137).

2. Niên đại đúng của các sự kiện lịch sử giai đoạn 1134-1140 trong *Toàn thư*

Không chỉ năm mất của Lý Thần Tông, *Toàn thư* và *Việt sử lược* còn chép chênh lệch một năm đối với các sự kiện trong giai đoạn 1134-1140. Bảng 1 cho thấy điều đó.

Bảng 1 cho thấy sự chênh lệch niên đại rất rõ. Vì sao có sự chênh lệch này?

Tra trong *Việt sử lược* và *Toàn thư*, chúng ta thấy *Việt sử lược* chép việc năm 1133 còn *Toàn thư* thì bỏ qua năm này mà chép các sự việc của năm 1134 sau phần biên niên về năm 1132. Từ đó, các sự kiện lịch sử được *Toàn thư* và *Việt sử lược* chép chênh nhau một năm. Sự tình này kéo dài đến năm 1139.

Trong bản dịch *Việt sử lược*, sau sự kiện "rồng vàng hiện ở điện Vĩnh Quang" vào mùa hạ, tháng 6 năm Quý Sửu thuộc niên hiệu Thiên Chương Bảo Tự năm đầu (1133), Trần Quốc Vượng có chú thích và nhận xét rằng: "*Toàn thư* chép vào năm sau, Giáp Dần (1134). *Toàn thư* bỏ không chép năm Quý Sửu 1133. Vì thế cho nên trong khoảng 1133-1139 cũng cùng một sự

Bảng 1: Đối chiếu các sự kiện chép trong *Toàn thư* và *Việt sử lược* từ năm 1133 đến 1140

STT	Sự kiện được Toàn thư và Việt sử lược cùng ghi chép	Niên đại sự kiện theo Toàn thư (11)	Niên đại sự kiện theo Việt sử lược (12)
1	Ngựa mọc cựa/có người dâng ngựa mọc cựa	Tháng 2 năm Giáp Dần (1134)	Tháng 2 năm Qúy Sửu (1133)
2	Rồng vàng hiện ở điện Vĩnh Quang	Tháng 7 năm Giáp Dần (1134)	Tháng 6 năm Qúy Sửu (1133)
3	Sửa điện Diên Sinh, quán Ngũ Nhạc	Tháng 11 năm Giáp Dần (1134)	Tháng 10 năm Qúy Sửu (1133)
4	Chân Lạp và Chiêm Thành sang cống	Tháng 2 năm Ất Mão (1135)	Tháng 2 năm Giáp Dần (1134)
5	Từ mùa xuân đến mùa hè không mưa	Năm Ất Mão (1135)	Năm Giáp Dần (1134)
6	Phát hiện chuông đồng xưa	Năm Bính Thìn (1136)	Năm Ất Mão (1135)
7	Rùa có 4 chữ "Nhất thiên vĩnh thánh" trên ngực		
8	Chân Lạp đến cướp châu Nghệ An	Tháng giêng năm Đinh Tỵ (1137)	Năm Bính Thìn (1136)
9	Nghệ An động đất, nước sông đỏ như máu	Tháng 2 năm Đinh Tỵ (1137)	Tháng 2 năm Bính Thìn (1136)
10	Xuống chiếu cứ ba nhà họp thành một "bảo"	Tháng 9 năm Đinh Tỵ (1137)	Tháng 9 năm Bình Thìn (1136)
11	Nội nhân là Ngọ Viêm dâng khối vàng nặng 66 lạng	Tháng 5 năm Mậu Ngọ (1138)	Tháng 5 năm Đinh Tỵ (1137)
12	Lý Thần Tông bệnh và mất	Tháng 9 năm Mậu Ngọ (1138)	Tháng 9 năm Đinh Tỵ (1137)
13	Lý Anh Tông lên ngôi, đổi niên hiệu thành Thiệu Minh năm thứ nhất	Tháng 10 năm Mậu Ngọ (1138)	Tháng 10 năm Đinh Tỵ (1137)
14	Lý Anh Tông họp các quan to thề ở Long Trì	Năm Mậu Ngọ (1138)	Năm Đinh Tỵ (1137)
15	Nhà Tống phong Lý Anh Tông làm Quận Vương	Năm Kỷ Mùi, Thiệu Minh năm thứ hai (1139)	Năm Mậu Ngọ, Thiệu Minh năm thứ hai (1138)
16	Lý Anh Tông lấy ngày sinh là tiết Thọ Ninh	Tháng 4 năm Canh Thân, Đại Định năm thứ nhất (1140)	Tháng 4 năm Mậu Ngọ, Thiệu Minh năm thứ hai (1138)
17	Thân Lợi nổi dậy	Năm Canh Thân, Đại Định năm thứ nhất (1140)	Năm Kỷ Mùi, Thiệu Minh năm thứ ba (1139)

việc, *Toàn thư* chép chậm lại một năm đối với *Việt sử lược*. Tống sử và bia Đỗ Anh Vũ đều cho ta biết Lý Thần Tông mất năm Đinh Tỵ (1137) đúng như *Việt sử lược* chép. Vậy *Toàn thư,* vì chép sót một năm nên sự sai ấy kéo truyền cho tới 1140 mà ta phải chữa ra 1139" (13).

Dựa vào năm mất chắc chắn của Lý Thần Tông là năm 1137 và biết được nguyên do của những sai lệch về niên đại sự kiện giữa *Toàn thư* và *Việt sử lược*, về mặt nguyên tắc, chúng ta có thể đính chính những ghi chép của *Toàn thư* từ năm 1140 trở về trước. Cụ thể: các sự việc trong giai đoạn 1134-1140 đều phải điều chỉnh thời gian xuống một năm, nghĩa là việc của năm 1134 tức là của năm 1133, việc của năm 1140 tức là của năm 1139.

Tuy nhiên, nguyên tắc này không phải hoàn toàn chính xác đối với tất cả sự kiện. Trong 17 sự kiện ở bảng trên thì sự kiện số 16 (Lý Anh Tông lấy ngày sinh làm tiết Thọ Ninh) không theo nguyên tắc trên. *Toàn thư* cho đó là năm 1140, còn theo *Việt sử lược* là năm 1138. Vậy năm nào mới đúng? Hay cả hai sách đều chép sai? Thêm nữa, ngoài chênh lệch về năm, cùng một sự kiện, hai sách còn chép sai khác về tháng. Vấn đề xác định thời điểm cụ thể của các sự kiện giai đoạn 1134-1140 do đó không hề đơn giản. Ở đây, chúng tôi chỉ xét đến niên điểm mà sự kiện diễn ra chứ chưa có điều kiện làm rõ hơn về ngày tháng đích thực của chúng. Nguyên tắc đính chính nêu trên là một kênh tham chiếu chứ không thể hoàn toàn dựa vào. Vì vậy, việc khảo cứu các nguồn sử liệu còn lưu giữ đến nay là cách làm chủ yếu để khôi phục tính chính xác về thời gian xảy ra sự kiện.

Tiến hành theo phương pháp nêu trên, chúng tôi xác định được thời gian chuẩn xác của một số sự kiện sau đây.

Thứ nhất, việc Chân Lạp xâm lấn nước ta xảy ra vào năm 1135. Cả *Toàn thư* và *Việt sử lược* đều nhầm lẫn về niên đại (năm 1136 theo *Việt sử lược* và năm 1137 theo *Toàn thư*). Kết luận này dựa trên thông tin từ mộ chí Đỗ Anh Vũ được soạn sau năm 1159 - năm ông qua đời. Đây là văn bản gốc, ra đời sau sự kiện hơn 20 năm nên có độ tin cậy cao nhất.

Mộ chí cho hay: "Tháng giêng năm Thiên Chương Bảo Tự thứ ba (1135), đang lúc thiên hạ thăng bình, bốn bề yên tĩnh thì nước Văn Đan xâm phạm biên giới phía nam. Vua sai Thái úy và Thái phó Lý Công Bình thống lĩnh ba mươi vạn quân, theo đường biển đến xứ Âm Dã quận Nhật Nam. Thái úy xa trông thấy trại giặc bèn bảo rằng: "Quân của thiên tử "dẹp" mà không "đánh", cái thói của bọn người ở trần, ắt bị trời diệt". Nói xong, ông thúc quân vào, khí thế như gió rung núi lở. Quân giặc sợ hãi kéo nhau chạy trốn, quân của Thái úy đuổi theo chém tướng bắt tù binh. Đuổi đến Vụ Ôn thì trở về" (14).

Đoạn văn này cho biết việc giặc ngoài xâm lấn biên thùy phía Nam và Đỗ Anh Vũ được lệnh cùng Lý Công Bình đem quân đánh dẹp. Đối chiếu với *Việt sử lược* và *Toàn thư* thì đó là giặc Chân Lạp. Việc này diễn ra vào tháng giêng năm Thiên Chương Bảo Tự thứ ba (tức năm 1135). Cả *Việt sử lược* và *Toàn thư* đều thống nhất niên hiệu Thiên Chương Bảo Tự thứ ba là năm Ất Mão. Điểm này chứng tỏ sự chỉ định niên hiệu của văn bia và quy đổi sang năm Can Chi là hoàn toàn trùng khớp, nghĩa là không có sự nhầm lẫn về niên đại trong văn bia vừa trích dẫn.

Bên cạnh đó, thời điểm Chân Lạp xâm nhiễu là tháng giêng (theo mộ chí Đỗ Anh Vũ). Điều này trùng khớp về tháng so với *Toàn thư*. Như vậy, các ghi chép về diễn

biến cuộc đánh dẹp Chân Lạp trong *Toàn thư* chỉ cần điều chỉnh về năm. Các chi tiết khác vẫn cần căn cứ theo *Toàn thư*.

Thứ hai, việc đính chính năm mất và niên hiệu của Lý Thần Tông cũng khiến niên biểu của vị Hoàng đế kế nghiệp là Lý Anh Tông phải điều chỉnh theo.

Toàn thư cho rằng Lý Anh Tông lên ngôi năm 1138, đổi niên hiệu Thiên Chương Bảo Tự năm thứ năm thành niên hiệu Thiệu Minh năm thứ nhất. Điều này không đúng, cần thay đổi như sau: Lý Anh Tông lên ngôi năm 1137 và trong năm đó, đổi niên hiệu là Thiệu Minh. Niên hiệu Thiệu Minh được sử dụng từ năm 1137 đến năm 1139.

Sách *Thiền uyển tập anh*, phần viết về Thiền sư Bản Tịch (? - 1140) còn chép về năm Kỷ Mùi, Thiệu Minh thứ ba (tức năm 1139) (15). *Việt sử lược* cũng cho biết năm Kỷ Mùi tương ứng với niên hiệu Thiệu Minh thứ ba. Chúng ta không tìm thấy thông tin về năm Thiệu Minh thứ ba trong *Toàn thư*. Điều này cũng chứng minh sách *Toàn thư* đã nhầm lẫn về thời gian tồn tại của niên hiệu Thiệu Minh.

Thứ ba, việc nhà Tống công nhận Lý Anh Tông là Giao Chỉ Quận Vương diễn ra vào năm 1138. *Việt sử lược* đã chép đúng, *Toàn thư* chép không chính xác.

Sử liệu thời Tống (Trung Quốc) cung cấp thông tin để xác thực điều đó. *Tống sử* chép: "Thiệu Hưng năm thứ 8… tháng 3…, ngày Ất Hợi… lấy Lý Thiên Tộ làm Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ, Giao Chỉ Quận Vương" (16).

Tống hội yếu tập cảo chép: "Thiệu Hưng năm thứ 8, tháng 3… ngày 14, ban chế rằng: Con trai của Giao Chỉ Quận Vương Lý Dương Hoán là Thiên Tộ, đáng được phong làm Tĩnh Hải quân Tiết độ Quan sát xử trí đẳng sứ, Đặc tiến Kiểm hiệu Thái uý kiêm Ngự sử đại phu, An Nam Đô hộ, Thượng trụ quốc, Giao Chỉ Quận Vương, thực ấp 3000 hộ, thực thật phong 1000 hộ, lại chiếu theo lệ như trước mà ban cho danh hiệu Suy Thành Thuận Hoá Công Thần" (17).

Thứ tư, về thời điểm Thân Lợi nổi dậy: chúng tôi xác định khoảng năm 1138-1139 chứ không phải năm 1140 như Toàn thư.

Mộ chí Đỗ Anh Vũ chép rằng: "Tháng chín năm Mậu Ngọ (1138) lại được phong Phụ quốc Thái úy và ban quốc tính họ Lý. Thái úy được hoàn toàn nắm giữ binh quyền. Lúc bấy giờ vùng Kê Động nơi biên tái, có một yêu đồng tên là Thượng Suy Vi, xưng là con côi của Nhân Tông, tụ tập đồ đảng và tiếm hiệu là Bình Nguyên đại tướng. Vua sai Tả gián nghị đại phu Lưu Cao Nhĩ đem quân đi đánh, nhưng giặc càng quá quắt. Thế là Thái úy ăn không ngon, ngủ không yên, bàn tâu vua rằng: "Thần nghe nói: vua lo thì tôi nhục, vua nhục thì tôi chết. Man di khinh nhờn trung hạ là tội của hạ thần". Vua chuẩn lời thỉnh cầu của Thái úy. Thái úy lĩnh chức nguyên súy thống lĩnh sáu quân. Sau khi nhận tiết việt và tuyên thệ trước quân sĩ, Thái úy đem quân đến bến Nam Khoáng và chia quân ra làm mười đạo, để đề phòng sự không hay. Quân giặc tuy đông, nhưng Thái úy mới đánh một trận mà chúng đã tan vỡ. Khi nghịch đảng đã bị bắt, Thái úy đem quân về triều báo tin thắng trận, nhà vua ban thưởng rất hậu, sử sách ghi chép công lao" (18).

Theo thông tin trên mộ chí Đỗ Anh Vũ, thời điểm Thượng Suy Vi (tức Thân Lợi) nổi dậy là sau tháng 9 năm Mậu Ngọ (1138).

Kiến Viêm dĩ lai hệ niên yếu lục cho biết: "Thiệu Hưng năm thứ 9 (1139)… tháng 6 …ngày Ất Hợi… Lúc đầu, Nam Bình Vương Lý Càn Đức mất, con người vợ lẽ là Trí Chi

chạy sang Đại Lý, đổi thành họ Triệu, lấy hiệu là Bình Vương. Nghe tin anh là Dương Hoán chết, bèn tranh nước với Thiên Tộ. Đại Lý đem 3000 quân giúp đỡ. Điệp báo cho biết Trí Chi muốn vào cống, Súy thần ở Quảng Tây đem việc tâu lên. Chiếu cho (Súy thần Quảng Tây) khéo léo ước hẹn rồi cho về, chứ đừng chiêu nạp hay gây sự" (19).

Tống sử chép rằng: "Thiệu Hưng năm thứ 9, chiếu cho Súy ti Quảng Tây không nhận cho Triệu Trí Chi vào cống. Lúc đầu, Càn Đức có người con vợ thứ chạy sang Đại Lý, đổi họ lấy tên là Triệu Trí Chi, tự xưng là Bình Vương. Nghe tin Dương Hoán chết, Đại Lý bảo về tranh ngôi với Thiên Tộ, xin vào cống, muốn mượn binh để về nước. Hoàng đế không cho" (20).

Qua ghi chép của *Tống sử* và *Kiến Viêm dĩ lai hệ niên yếu lục,* chúng ta biết được nhân vật Thân Lợi trong sử sách nước ta còn có tên là Triệu Trí Chi. Việc Thân Lợi/Triệu Trí Chi nổi dậy chống lại triều Lý có sự can dự của vương quốc Đại Lý (quốc gia cổ của Trung Quốc, đại bộ phận lãnh thổ tương ứng với vùng Vân Nam ngày nay) và khiến triều đình Nam Tống phải rất dè chừng khi quyết định nhận hay không nhận cho Thân Lợi vào dâng cống.

Các tư liệu vừa dẫn cho biết rằng, ngay từ tháng 6 năm Kỷ Mùi, tương ứng với bên Trung Hoa là niên hiệu Thiệu Hưng năm thứ 9 (1139), Thân Lợi/Triệu Trí Chi đã sai sứ sang nhà Nam Tống với ý định xin giúp đỡ để tranh ngôi với Lý Anh Tông. Lúc bấy giờ, Thân Lợi đã khởi sự. Như vậy, Thân Lợi phải nổi dậy trước tháng 6 năm Kỷ Mùi. Theo mộ chí Đỗ Anh Vũ, thời điểm đó phải sau tháng 9 năm Mậu Ngọ (1138). Vậy thời gian Thân Lợi nổi lên chống triều Lý nằm trong khoảng từ sau tháng 9 năm Mậu Ngọ đến trước tháng 6 năm Kỷ Mùi. Nói cách khác, đó là khoảng cuối năm 1138 và nửa đầu năm 1139. *Toàn thư* vì chép việc chậm một năm so với *Việt sử lược* nên đặt sự kiện Thân Lợi khởi sự vào năm 1140 là sai lầm.

Trở lên là niên đại đã được khảo cứu lại của một số sự kiện lịch sử giai đoạn 1134-1140 theo ghi chép của *Toàn thư.* Trừ sự việc Chân Lạp xâm lấn nước ta cần phải điều chỉnh lùi hai năm so với *Toàn thư,* những sự kiện khác đều được điều chỉnh lùi một năm. Nguyên tắc lùi một năm trong *Toàn thư,* tức là thừa nhận tính đúng đắn của *Việt sử lược*, tiếp tục cho thấy tính sát hợp của nó.

3. Kết luận

Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* chép năm mất của Lý Thần Tông là năm 1138. Những bộ quốc sử về sau và nhiều công trình viết về lịch sử Việt Nam thời Lý cũng tán đồng/tin tưởng ghi chép của *Toàn thư* về năm mất của Lý Thần Tông. Trong khi đó, sách *Việt sử lược* là cuốn sử xưa nhất của nước ta đến nay còn giữ được lại nêu một niên điểm khác - năm 1137.

Việc ghi chép không thống nhất về năm mất của Lý Thần Tông giữa *Việt sử lược* và *Toàn thư* là một nguyên nhân dẫn đến sự sai lệch về thời gian của các sự kiện lịch sử trong năm 1138 (theo *Toàn thư*) và năm 1137 (theo Việt sử lược). Chẳng những vậy, giữa hai bộ sách còn tồn tại sự bất nhất trong ghi nhận thời gian diễn ra các sự kiện lịch sử suốt từ năm 1134 đến năm 1140. Nếu tin theo các niên đại của *Toàn thư* trong khoảng thời gian này thì sẽ phải phủ nhận niên đại chênh lệch trong *Việt sử lược* và ngược lại. Yêu cầu nghiên cứu khách quan và thực chứng trong sử học không cho phép chúng ta dễ dàng tin theo điều này mà bác bỏ điều kia khi chưa có những chứng cứ xác tín. Vì vậy, việc xác định lại năm mất của Lý

Thần Tông và thẩm tra niên đại chính xác của một số sự kiện lịch sử có liên quan là điều hết sức cần thiết khi nghiên cứu lịch sử Việt Nam thời Lý nói riêng và lịch sử Việt Nam cổ - trung đại nói chung.

Trên cơ sở khảo cứu các ghi chép của *Thiền uyển tập anh*, *Phụng Thánh phu nhân Lê thị mộ chí,* mộ chí Đỗ Anh Vũ (Việt Nam), *Kiến Viêm dĩ lai hệ niên yếu lục* (thời Tống-Trung Quốc), chúng tôi xác định lại năm mất của Lý Thần Tông là năm 1137. Việc xác định này khiến ghi chép về niên đại của tất cả sự kiện lịch sử trong năm 1138 của *Toàn thư* đều chưa chính xác, cần thiết phải kéo lùi một năm để thống nhất với ghi chép trong *Việt sử lược*.

Bên cạnh đó, từ việc so sánh niên điểm trong ghi chép về các sự kiện lịch sử tương đồng của *Toàn thư* và *Việt sử lược*, kết hợp với khảo sát một số tư liệu đồng đại và lịch đại của Việt Nam và Trung Quốc có liên quan, chúng tôi xác định lại niên đại của một số sự kiện lịch sử nửa đầu thế kỉ XII như năm Chân Lạp xâm lấn khu vực Nghệ An, niên biểu của Lý Anh Tông, năm Thân Lợi nổi dậy…

Đối với các sự kiện khác trong giai đoạn 1134-1140, hệ thống niên đại mà *Toàn thư* chỉ định cho chúng cũng không chính xác, cần thiết phải kéo lùi một năm như nguyên tắc đã được chứng minh về mức độ sát hợp ở trên. Tuy nhiên, để đảm bảo mức độ khả tín cao nhất, khi áp dụng nguyên tắc trên cần phối kiểm với những nguồn tài liệu có thể khai thác. Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi chưa thể đi sâu khảo cứu và khẳng định niên đại chính xác của tất cả các sự kiện đó.

Việc điều chỉnh khung niên đại các sự kiện từ năm 1134 đến năm 1140 đặt ra yêu cầu cần đính chính rộng rãi các sai lầm/thiếu sót của *Toàn thư,* không chỉ phần viết về vương triều Lý mà trong toàn sách. Đây là bộ quốc sử lớn, giữ vai trò trọng yếu trong nghiên cứu lịch sử Việt Nam thời cổ-trung đại. Việc hiệu chỉnh những sai sót của bộ sử này, trước hết về khía cạnh niên đại, sẽ góp phần khôi phục thời gian chuẩn của các sự việc đã diễn ra trong quá khứ, giúp "gạn đục khơi trong" nhằm phát huy giá trị sử liệu của *Toàn thư*. Điều này cũng góp phần đem đến những nhận thức chuẩn xác hơn, toàn diện hơn về lịch sử Việt Nam.

CHÚ THÍCH

(1). Chẳng hạn các bộ sử như *Đại Việt sử kí tiền biên* (thời Tây Sơn), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (thời Nguyễn), *Lịch triều hiến chương loại chí* (thời Nguyễn)…

(2). Chẳng hạn các sách:

- Viện Sử học, *Việt Nam những sự kiện lịch sử từ khởi thủy đến 1858*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2006.

- Trương Hữu Quýnh, Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hãn (Chủ biên), *Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2008.

- Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên), *Vương triều Lý (1009-1226)*, Nxb. Hà Nội, 2010.

- Phan Huy Lê (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam, tập I (Từ nguồn gốc đến thế kỉ XIV)*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2012.

- Hoàng Xuân Hãn, *Lý Thường Kiệt lịch sử ngoại giao và tông giáo triều Lý*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2015.

- Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 2 (Thế kỉ X-XIV)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

(3). Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, *Đại Việt sử kí toàn thư, tập 1*, Ngô Đức Thọ dịch và chú

thích, Hà Văn Tấn hiệu đính, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 310-311.

(4). Khuyết danh, *Việt sử lược*, Trần Quốc Vượng dịch, Nxb. Thuận Hoá, Huế, tr. 142.

(5). Khuyết danh, *Cự Việt quốc Thái uý Lý công thạch bi minh tự*, Đỗ Văn Hỷ dịch, in trong Viện Văn học, *Thơ văn Lý - Trần, tập I*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, tr. 468.

(6). Khuyết danh, *Phụng Thánh phu nhân Lê thị mộ chí*, Băng Thanh-Ngô Thế Long dịch, in trong *Thơ văn Lý - Trần, tập I*, sđd, tr. 491.

(7). Khuyết danh, *Thiền uyển tập anh*, Ngô Đức Thọ-Nguyễn Thúy Nga dịch và chú giải, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2014, tr. 220.

(8). Thiệu Hưng là niên hiệu của Tống Cao Tông (1127 - 1162).

(9). Lê Tắc, *An Nam chí lược, quyển 12 (Lý thị thế gia)*. Nguyên văn: : 陽煥，仁王子也，立。紹興二年春三月，封交趾郡王。七年，陽煥薨（居位七年，謚神王）。 (Nguồn: http://skqs.guoxuedashi.net/wen_736c/16697.html)

(10). Lý Tâm Truyền, *Kiến Viêm dĩ lai hệ niên yếu lục, quyển 114*. Nguyên văn: 紹興七年九月[...]乙酉...是日靜海軍節度使安南都護交趾郡王李陽煥薨子天祚立陽煥在位九年.(Nguồn: https://ctext.org/wiki.pl?if=gb&chapter=82466)

(11), (12). Toàn thư, sđd, tr. 306-312, 141-143.

(13). *Việt sử lược*, sđd, tr. 202.

(14). Khuyết danh, *Cự Việt quốc Thái uý Lý công thạch bi minh tự*, Đỗ Văn Hỷ dịch, in trong *Thơ văn Lý -Trần, tập I*, sđd, tr. 468.

(15). Xem thêm *Thiền uyển tập anh*, sđd, tr. 196.

(16). Thoát Thoát (đời Nguyên, chủ trì biên soạn), *Tống sử, quyển 29* (Bản kỉ 29, Cao Tông 6). Nguyên văn: 紹興[…]八年[…]三月[…]己亥[…]以李天祚為靜海軍節度使、交趾郡王。 (Nguồn: http://www.guoxuedashi.net/a/49nbmi/131643d.html)

(17). Từ Tùng (đời Thanh), *Tống hội yếu tập cảo* (Phiên di tứ: Giao Chỉ). Nguyên văn: 紹興[…]八年三月[…]十四日，制：「交址郡王李阳焕男天祚，可特授静海军节度观察处置等使、特进、检校太尉、兼御史大夫、安南都护、上柱国，特封交址郡王，食邑三千户，食实封一千户，仍赐推诚顺化功臣。」. (Nguồn: http://www.guoxuedashi.net/a/6224ajpw/86641q.html)

Tống hội yếu tập cảo do học giả thời Thanh là Từ Tùng (1781–1848) thu thập các bản tàn khuyết của *Tống hội yếu* thời Tống rồi biên tập, chỉnh lí mà thành. Sách gồm 366 quyển, chia thành 17 phần như đế hệ, hậu phi, sùng Nho, lễ, nhạc, phiên di, hình pháp…

(18). Khuyết danh, *Cự Việt quốc Thái uý Lý công thạch bi minh tự*, Đỗ Văn Hỷ dịch, in trong *Thơ văn Lý - Trần, tập I*, sđd, tr. 468-469.

(19). *Kiến Viêm dĩ lai hệ niên yếu lục, quyển 129*. Nguyên văn: 紹興九年六月[...]乙亥[...]初南平王李乾德既卒其庶子智之奔大理更姓趙號平王聞其兄陽煥死與天祚爭國大理以兵三千助之諜報智之欲入貢廣西帥臣奏其事詔婉順約回毋得招納生.

(Nguồn:https://ctext.org/wiki.pl?if=gb&chapter=937078).

(20). *Tống sử, quyển 488* (Liệt truyện 247: Ngoại quốc tứ-Giao Chỉ). Nguyên văn: 紹興[…]九年，詔廣西帥司毋受趙智之入貢。初，乾德有側室子奔大理，變姓名為趙智之，自稱平王。聞陽煥死，大理遣歸，與天祚爭立，求入貢，欲假兵納之，帝不許.

(Nguồn:http://www.guoxuedashi.net/a/49nbmi/132102h.html).